

Bản án số: 480/2021/HS-PT

Ngày: 26/11/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Lê Tự

*Các Thẩm phán:*

Ông Phạm Việt Cường

Ông Nguyễn Tấn Long

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Hoàng – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 429/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2021/HS-ST ngày 28/06/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

**Nguyễn Q** - sinh năm 1973 tại Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Thợ sắt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L (1945) và bà Nguyễn Thị S (1946); Có vợ Võ Thị P (1978) và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 29/3/2019, có mặt.

***- Người bị hại:*** Ông Trần Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

***- Ông Trần Xuân T và bà Trần Thị C;*** cùng địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

***- Ông Nguyễn Long C;*** địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

- Bà Võ Thị P; nơi cư trú: tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ông Võ Phước T và bà Nguyễn Thị M, cùng trú tổ dân phố 3 thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk sở hữu 02 lô đất gồm lô đất T, diện tích 58,5 m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 79, tờ bản đồ số 50 và lô đất V, diện tích 22,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 76 tờ bản đồ số 50, với tổng diện tích 81,1 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 480 đường T, thị trấn N, huyện N (nay là tổ dân phố 15, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa). Ông T, bà M có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên lô đất T để ở.

Ngày 31/12/1995, ông T và bà M bán toàn bộ diện tích đất và nhà trên cho ông Trần Xuân T và bà Trần Thị C, cùng trú tỉnh Khánh Hòa với số tiền 125.000.000 đồng (tương đương 10 cây vàng Y), đồng thời ông T, bà M giao toàn bộ giấy tờ liên quan đến nhà đất cho ông T, bà C (việc mua bán chỉ viết giấy tờ viết tay giữa hai bên).

Năm 2012, ông Trần Xuân T đã cho ông Nguyễn Long C thuê căn nhà nói trên với số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Sau khi thuê nhà từ ông T, ông C đã cho Nguyễn Q thuê lại mở tiệm làm cửa sắt. Trong thời gian này ông T có đơn đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N đo chỉnh lý lô đất nói trên và đã được đo, chỉnh lý lô đất vào tháng 5/2012.

Trong quá trình cho thuê nhà, ông T đã nhờ ông C làm thủ tục để Ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà và đất nêu trên. Đồng thời ông T đã photocopy toàn bộ giấy tờ nhà đưa cho ông C. Đến cuối năm 2014, ông Q làm giả hợp đồng mua bán đất giữa ông với ông Võ Phước T, bà Nguyễn Thị M ghi ngày 16/02/2006 thể hiện nội dung ông T, bà M có bán nhà và đất tại địa chỉ thôn 9 thị trấn N nay là tổ 15 phường N, thị xã N với diện tích 75m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Q với giá 70.000.000 đồng, đồng thời Nguyễn Q nhờ người ký giả chữ ký ông T, bà M vào bên người bán, còn bên cột người mua Nguyễn Q tự ký, rồi đưa hồ sơ cho ông Nguyễn H cán bộ tư pháp phường N để nhờ đưa cho Lê Ngọc Trường H là cán bộ địa chính phường N làm các thủ tục để Ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 23/01/2015, Ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 709085 mang tên ông Nguyễn Q. Đến năm 2016 ông C và ông Q không thuê nữa nên trả lại căn nhà trên cho ông T quản lý.

Ngày 13/9/2018, Nguyễn Q đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Trần Văn T, sinh năm 1964, trú tổ dân phố 01, phường N, thị xã N với số tiền 570.000.000 đồng. Ngày 21/9/2018, ông Trần Văn T đã sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đến tháng 10/2018 ông T mới biết được việc nhà, đất của mình đã được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 709085 ngày 23/01/2015 cho Nguyễn Q và Q đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn T.

Tại Bản kết luận giám định số 98/GĐTP/2019 ngày 13/02/2019 kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên “Võ Phước T và Nguyễn Thị M”, dưới mục bên A trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở đề ngày 16/02/2006 không phải là do Võ Phước T và Nguyễn Thị M ký ra.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2021/HS-ST ngày 28/06/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã quyết định:**

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Q 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2019.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Q phải bồi thường cho ông Trần Văn T 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Buộc ông Trần Xuân T phải hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Q 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2021, bị cáo Nguyễn Q làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 06/8/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân T nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc buộc ông phải hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Q 630.000.000đ, ông T chỉ đồng ý trả 570.000.000đ.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Q về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt. Đối với kháng cáo về trách nhiệm dân sự, căn cứ thỏa thuận giữa bị cáo và ông Trần Xuân T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, buộc ông T trả cho bị cáo Nguyễn Q 570.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận:

[2] Mặc dù biết nhà, đất tại địa chỉ thôn 9 thị trấn N, nay là tổ 15 phường N, thị xã N (bị cáo đang thuê) ông Võ Phước T và bà Nguyễn Thị M không bán cho bị cáo, nhưng bị cáo vẫn lập hợp đồng ghi ngày 16/02/2006, nội dung chuyển nhượng tài sản nêu trên với bên chuyển nhượng là ông Võ Phước T và bà Nguyễn Thị M, bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Q; đồng thời ký vào mục bên nhận chuyển nhượng để sử dụng vào việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Sau khi làm giả hợp đồng chuyển nhượng tài sản nêu trên, bị cáo giao hồ sơ cho ông Nguyễn H cán bộ tư pháp phường N để nhờ đưa cho ông Lê Ngọc Trường H là cán bộ địa chính phường N làm các thủ tục để Ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 709085 ngày 23/01/2015 đứng tên Nguyễn Q, bị cáo đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho ông Trần Văn T để chiếm đoạt số tiền 570.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như bản án sơ thẩm đã qui kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo có tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị cáo đã mang tiền đến trả lại cho ông Trần Văn T 570 triệu đồng. Ông Trần Văn T xác nhận bị cáo có đến gặp ông xin khắc phục hậu quả nhưng ông không đồng ý nhận tiền. Bị cáo đã mang số tiền này khắc phục hậu quả cho ông Trần Xuân T, tổng cộng là 630 triệu đồng. Tại phiên

tòa sơ thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Trần Văn T số tiền 570 triệu đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo 08 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xét giảm hình phạt.

Xét kháng cáo của ông Trần Xuân T về trách nhiệm dân sự:

[5] Đối với khoản tiền 703.000.000 đồng hiện nay do ông Trần Xuân T giữ, trong đó gồm có 630.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Q và 73.000.000 của ông Nguyễn Long C. Tại biên bản giao nhận tiền ngày 12/12/2018 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận số tiền 60.000.000đ (630.000.000đ – 570.000.000đ) là khoản tiền bồi thường thiệt hại cho ông T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Xuân T hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Q 630.000.000đ là không đúng với các thỏa thuận trên, Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Xuân T, buộc ông T chỉ trả cho bị cáo Nguyễn Q 570.000.000đ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Q về phần hình phạt;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân T về phần trách nhiệm dân sự;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2021/HS-ST ngày 28/06/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.**

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Q 08 (tám) năm** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2019.

**2. Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo Nguyễn Q phải bồi thường cho ông Trần Văn T 570.000.000đ (năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Buộc ông Trần Xuân T phải hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Q 570.000.000đ (năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Nguyễn Q, ông Trần Xuân T chậm thực hiện nghĩa vụ về

trách nhiệm dân sự thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### **3. Án phí:**

Bị cáo Nguyễn Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ.

**4.** Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### ***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Tự**